



HOẠT ĐỘNG MUA LẠI DOANH NGHIỆP TẠI MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á NHÌN TỪ LỢI TỨC CỔ PHIẾU

THS. BẶNG HỮU MÃN, THS. HOÀNG DƯƠNG VIỆT ANH

Nghiên cứu thực tế tại Đông Nam Á cho thấy hoạt động mua lại doanh nghiệp (bao gồm cả mua lại nội địa và mua lại qua biên giới) góp phần gia tăng lợi tức cổ phiếu của doanh nghiệp mục tiêu, trong đó mua lại nội địa có sự tác động vượt trội so với loại hình mua lại qua biên giới. Bên cạnh đó, nhân tố mua lại bước đệm và quy mô của doanh nghiệp mục tiêu cũng giữ vai trò then chốt trong sự biến thiên lợi tức cổ phiếu của doanh nghiệp.

Mẫu nghiên cứu, nguồn dữ liệu

Mua lại nội địa (MLNĐ) là hình thức mà trong đó doanh nghiệp thầu tóm (DN TT) và doanh nghiệp mục tiêu (DN MT) thuộc cùng một quốc gia, trong khi mua lại qua biên giới (MLQBG) thì quốc gia của DN TT khác với quốc gia của DN MT.

Nghiên cứu của Chari và cộng sự (2004) chỉ ra rằng, hoạt động biên giới làm gia tăng lợi tức cổ phiếu cho cả DN TT lẫn DN MT. Tuy nhiên, khảo sát gần đây của Zhu và cộng sự (2011) không tìm thấy bằng chứng rằng hoạt động MLQBG nâng cao hiệu quả hoạt động của DN MT, trái lại, họ nhận thấy rằng chính MLNĐ mới làm gia tăng hiệu quả hoạt động của DN MT.

Để có câu trả lời xác thực hơn, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu các thương vụ mua lại một phần tài 5 nền kinh tế (Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan) trong giai đoạn 2000 - 2010.

Dữ liệu về ngày thông báo thương vụ, phương thức thanh toán... được thu thập thông qua cơ sở dữ liệu của Thomson One Bankers database và Thomson Reuters Worldscope.

Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng hai phương pháp kinh tế lượng khá phổ biến trong nghiên cứu dữ liệu chéo hay dữ liệu cắt ngang là phương pháp nghiên cứu sự kiện và phương pháp phân tích hồi quy chéo.

Phương pháp nghiên cứu sự kiện

Phương pháp này được sử dụng để đo lường ảnh hưởng của những sự kiện nhất định đến giá cổ phiếu của DN, từ đó nhận diện những hiệu ứng tác động

đến lợi tức cổ phiếu sau mỗi sự kiện này.

Phương pháp này sử dụng mô hình thị trường chuẩn dựa trên giả thuyết thị trường hiệu quả để ước lượng lợi tức kỳ vọng của cổ phiếu DN, từ đó tính toán lợi tức bất thường bằng cách lấy lợi tức thực của cổ phiếu trừ đi lợi tức kỳ vọng vừa ước lượng. Lợi tức bất thường này được giả định sẽ biến thiên khi có những sự kiện mới xuất hiện.

Tỷ suất lợi tức kỳ vọng của cổ phiếu i vào ngày t được xác định từ mô hình thị trường:

$$E(R_{it}) = \alpha_i + \beta_i \cdot R_{mt} + E(\varepsilon_{it}) \quad (1)$$

Trong đó, R_{mt} là tỷ suất lợi tức thị trường vào ngày t ; α_i , β_i , và ε_{it} lần lượt là hệ số chặn, rủi ro hệ thống của cổ phiếu i và khoản mục sai số (trong đó $E(\varepsilon_{it})=0$).

Lợi tức bất thường của cổ phiếu i vào ngày t (AR_{it}) được xác định như sau:

$$AR_{it} = R_{it} - (\alpha_i + \beta_i \cdot R_{mt}) \quad (2)$$

Trong đó, α_i và β_i là các hệ số ước lượng từ việc hồi quy Rit theo R_{mt} với một khoảng thời gian ước lượng T (Estimation period) được xác định trước.

Khoảng thời gian xung quanh sự kiện bắt đầu từ T_1 ngày trước ngày thông báo sự kiện đến T_2 ngày sau ngày thông báo sự kiện, khoảng thời gian xung quanh sự kiện (T_1, T_2).

Lợi tức kỳ vọng của mỗi cổ phiếu tính toán ở trên sau đó được so sánh với lợi tức thực của mỗi cổ phiếu theo từng ngày bên trong khoảng thời gian xung quanh sự kiện (T_1, T_2). Sự chênh lệch giữa lợi tức thực và lợi tức kỳ vọng của mỗi cổ phiếu trong khoảng thời

gian xung quanh sự kiện (T_1, T_2) được gọi là lợi tức bất thường tích lũy (CAR):

$$CAR_{i,EW} = \sum_{t=T_1}^{T_2} AR_{it} \quad (3)$$

Kiểm định cross-sectional t-test được sử dụng để kiểm định ý nghĩa thống kê của CAR.

$$t = \frac{CAR_s / N}{\sigma_{CAR_s} / \sqrt{N}} \quad (4)$$

Trong đó, CARs là lợi tức bất thường tích lũy của tất cả cổ phiếu trong mẫu quan sát trong khoảng thời gian xung quanh sự kiện; N là số ngày trong khoảng thời gian xung quanh sự kiện (T_1, T_2); σ_{CARs} là độ lệch chuẩn của CARs trong khoảng thời gian ước lượng T (Estimation period).

Ngoài ra, để kiểm định ý nghĩa thống kê hiệu ứng chênh lệch trong lợi tức bất thường tích lũy giữa hai loại hình mua lại DN, MLQBG và MLNĐ (gọi là hiệu ứng cross-border effect), chúng tôi sử dụng kiểm định t-test của giá trị trung bình của hai mẫu nghiên cứu (trong bài báo này là hai loại hình mua lại DN) được đề xuất bởi Weiss và Hassett (1986).

Nghiên cứu này, lựa chọn khoảng thời gian ước lượng T từ ngày t-260 đến ngày t-41 trước thời điểm thông báo sự kiện mua lại (như vậy T=220) để ước lượng tham số mô hình thị trường. Ở đây mặc định t=0 là ngày thông báo sự kiện mua lại.

Ngoài ra, để nhận diện chính xác tác động của sự kiện mua lại lên sự thay đổi của lợi tức cổ phiếu DNMT trong cả MLNĐ và MLQBG, chúng tôi sử dụng nhiều khoảng thời gian xung quanh sự kiện khác nhau.

Phương pháp phân tích hồi quy chéo

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích hồi quy chéo, trong đó biến phụ thuộc của mô hình hồi quy là hệ số CAR 3 ngày từ ngày t-1 trước ngày sự kiện (t=0) đến ngày t+1 sau ngày sự kiện (ký hiệu là CAR3). Các biến độc lập được sử dụng trong mô hình được giới thiệu lần lượt sau đây:

- *Nationality*: Biến này xem xét tác động của MLNĐ hoặc MLQBG lên lợi tức cổ phiếu của DNMT. Theo đó, biến sẽ nhận giá trị =1 nếu DNMT và DNNT thuộc hai quốc gia khác nhau (MLQBG), ngược lại sẽ nhận giá trị =0 (MLNĐ).

- *Method*: Biến này nhận diện sự tác động của phương thức thanh toán của mỗi thương vụ đến lợi tức cổ phiếu DNMT. Nó nhận giá trị =1 nếu thương vụ được thanh toán bằng tiền mặt và nhận giá trị

=0 nếu được thanh toán bằng chuyển đổi cổ phiếu hoặc các hình thức chuyển đổi phi tiền mặt khác giữa DNNT và DNMT.

- *Relatedness*: Biến này đo lường ảnh hưởng của sự tương đồng trong lĩnh vực kinh doanh giữa DNNT và DNMT đến lợi tức cổ phiếu DNMT khi thương vụ được thông báo. Trên cơ sở dữ liệu của từng thương vụ, chúng tôi sử dụng hệ thống mã phân ngành tiêu chuẩn (SIC) để nhận diện lĩnh vực kinh doanh của hai DN. Theo đó, nếu hai DN thuộc cùng lĩnh vực kinh doanh, biến này sẽ nhận giá trị =1, ngược lại sẽ nhận giá trị =0.

- *Toehold*: Biến này xem xét tác động của mua lại "bước đệm" đến lợi tức của DNMT khi thương vụ được thông báo. Thuật ngữ "bước đệm" hàm ý rằng trước khi thương vụ hiện tại được thông báo thì DNNT đã nắm giữ một tỷ lệ cổ phần nhất định trong DNMT. Biến này nhận giá trị =1 nếu thương vụ có hoạt động mua lại bước đệm, ngược lại sẽ nhận giá trị =0.

- *Hostility*: Biến này xem xét sự thay đổi trong lợi tức cổ phiếu DNMT khi thương vụ mua lại mang tính "cường bức" hay "đối kháng". Tính "đối kháng" được hiểu theo nghĩa thương vụ không nhận được sự tán đồng hoặc bị phản đối kịch liệt từ cổ đông của DNMT. Có nhiều lý do của sự phản đối nhưng chủ yếu đến từ mức giá chào mua quá thấp của DNNT. Biến này nhận giá trị =1 nếu là giao dịch đối kháng, ngược lại sẽ nhận giá trị =0.

- *Multiple*: Biến này xem xét tác động của một thương vụ có tính "cạnh tranh" đến lợi tức của DNMT. Tính "cạnh tranh" ở đây được hiểu là có nhiều hơn một DNNT tham gia vào thương vụ. Biến sẽ nhận giá trị =1 nếu có nhiều hơn một DNNT, ngược lại sẽ nhận giá trị =0.

- *Size*: Biến liên tục duy nhất được sử dụng trong mô hình hồi quy của chúng tôi là quy mô của DNMT. Trên cơ sở số kế thừa những khảo sát đã có, chúng tôi sử dụng chỉ tiêu tổng tài sản của năm tài chính kết thúc trước năm có sự kiện mua lại để đo lường quy mô của DNMT. Để thuận lợi cho việc phân tích, chúng tôi sử

BẢNG 1: PHÂN PHỐI MẪU THEO QUỐC GIA CỦA DN MỤC TIÊU

Quốc gia	Hình thức mua lại		Tổng
	Nội địa	Qua biên giới	
Indonesia	9	20	29
Malaysia	59	15	74
Philippines	11	4	15
Singapore	26	18	44
Thái Lan	39	23	62
Tổng	144	80	224

**BẢNG 2: THỐNG KÊ MẪU TRONG MUA LẠI NỘI ĐỊA**

Thuộc tính	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
CAR3	144	0,10	0,16	-0,18	0,89
Size*	142	13,55	3,08	5,11	22,94
Share_acq**	144	47,06	25,66	2,82	95,02
Share_after***	144	73,60	19,26	8,40	98,00
Deal_value****	141	166,23	484,99	0,06	4654,14

BẢNG 3: THỐNG KÊ MẪU TRONG MUA LẠI QUA BIÊN GIỚI

Thuộc tính	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
CAR3	80	0,08	0,14	-0,19	0,71
Size*	78	15,60	3,98	9,14	24,56
Share_acq**	80	53,31	27,57	0,26	94,05
Share_after***	80	74,08	18,30	40,80	97,10
Deal_value****	78	218,62	459,94	0,57	2.379,71

* Size: *logarit của tổng tài sản của năm tài chính kết thúc trước năm có sự kiện mua lại*. ** Share_acq: % cổ phần DN thu mua trong môi trường vụ. *** Share_after: % cổ phần nắm giữ của DN thu mua tại DN mục tiêu sau khi thương vụ kết thúc. **** Deal_value: Giá trị của thương vụ (triệu USD).

BẢNG 4: MA TRẬN HỆ SỐ TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC BIẾN TRONG MÔ HÌNH

	CAR3	Nationality	Method	Relatedness	Toehold	Hostility	Multiple	Size
CAR3	1,00							
Nationality	-0,04	1,00						
Method	0,03	0,12	1,00					
Relatedness	-0,07	0,16	-0,05	1,00				
Toehold	-0,11	-0,14	-0,07	0,01	1,00			
Hostility	0,01	0,11	0,09	0,03	-0,06	1,00		
Multiple	-0,04	0,03	0,03	0,13	0,07	-0,04	1,00	
Size	-0,16	0,27	0,06	0,03	-0,20	0,01	0,01	1,00

dùng phương pháp logarit của tổng tài sản để phân ánh quy mô của DNMT.

Kết quả nghiên cứu

Mô tả và thống kê mẫu nghiên cứu

Mẫu quan sát của chúng tôi bao gồm 144 quan sát DNMT thuộc loại hình MLNĐ và 80 quan sát thuộc mua lại qua biên giới tại 5 nền kinh tế nói trên trong giai đoạn 2000 -2010.

Kết quả sáng tạo giá trị trong hoạt động mua lại DN

Biến thiên lợi tức của DN mục tiêu trong MLNĐ

Cột 2 và cột 3 bảng 5 chỉ ra xu hướng biến thiên lợi tức bất thường tích lũy và ý nghĩa thống kê của chúng đối với cổ phiếu DNMT trong MLNĐ theo từng khoảng thời gian xung quanh sự kiện khác nhau. Giá trị CAR của DNMT có xu hướng tăng từ ngày thứ 20 trước ngày thông báo sự kiện mua

lại và tiếp tục tăng ở các khoảng thời gian xung quanh sự kiện sau ngày thông báo sự kiện. Đặc biệt, hầu như tất cả các giá trị CAR ở các khoảng thời gian xung quanh sự kiện trước và sau ngày thông báo sự kiện đều dương và có ý nghĩa thống kê rất cao. Kết quả này cho thấy sự kiện mua lại (nội địa) đã góp phần tác động đến sự biến thiên tích cực lợi tức cổ phiếu DNMT trên thị trường, từ đó gia tăng giá trị của DNMT.

Biến thiên lợi tức của DN mục tiêu trong MLQBG

Khác với xu hướng biến thiên của CAR trong MLNĐ, giá trị CAR trong MLQBG biến thiên không rõ ràng và không ổn định ở các khoảng thời gian xung quanh sự kiện. Mặc dù vậy, có thể dễ dàng nhận thấy rằng, lợi tức cổ phiếu của DNMT ở các khoảng thời gian xung quanh sự kiện sau ngày thông báo sự kiện cao hơn hẳn so với giai đoạn trước ngày thông báo sự kiện. Bên cạnh đó, tương tự như trường hợp MLNĐ, giá trị CAR trong MLQBG đều dương và hầu hết đều có ý nghĩa thống kê. Kết quả này cho thấy sự kiện MLQBG đã góp phần tác động đến sự biến thiên tích cực lợi tức cổ phiếu DNMT trên thị trường, đặc biệt từ sau ngày thông báo sự kiện mua lại.

Hiệu ứng cross-border effect đến lợi tức cổ phiếu DNMT

Hiệu ứng cross-border effect đo lường sự chênh lệch trong lợi tức bất thường tích lũy của cổ phiếu DNMT giữa mua lại qua biên giới và MLNĐ. Bảng 5 chỉ ra rằng ngoại trừ khoảng thời gian xung quanh sự kiện (-40,-31) và (-20,-11), giá trị CAR trong các khoảng thời gian xung quanh sự kiện còn lại đều âm. Nguyên nhân khiến hiệu ứng cross-border effect “âm” (giá trị CAR âm) ở đại đa số khoảng thời gian

xung quanh sự kiện là do lợi tức cổ phiếu của DNMT trong MLQBG thấp hơn so với lợi tức cổ phiếu của DNMT trong MLND khi sự kiện mua lại được thông báo. Nói cách khác, các DNMT trong MLND phản ứng tích cực hơn so với các DNMT trong mua lại qua biên giới khi có sự kiện mua lại.

Kết quả phân tích hồi quy chéo

Kết quả hồi quy (bảng 6) cho thấy, ngoài hai nhân tố là Toehold và Size, tất cả các biến số còn lại được sử dụng đều không có ý nghĩa thống kê. Hệ số hồi quy của biến Toehold là âm và có ý nghĩa thống kê tại 5% chỉ ra rằng, nếu một thương vụ mua lại có yếu tố "bước đệm" sẽ làm giảm lợi tức bất thường tích lũy của DNMT. Tương tự, hệ số hồi quy của biến Size cũng âm và có ý nghĩa thống kê tại 5% cho thấy, nếu quy mô của DNMT càng nhỏ thì lợi tức bất thường tích lũy của DNMT sẽ càng lớn.

Từ phân tích hệ số hồi quy của các biến này cho chúng ta một số kết luận như sau: *thứ nhất*, MLND làm tăng lợi tức cổ phiếu của DNMT so sánh với MLQBG; *thứ hai*, mua lại được thanh toán bằng tiền mặt tạo ra lợi tức cổ phiếu cao hơn các hình thức thanh toán khác; *thứ ba*, nếu thương vụ diễn ra giữa hai DN có cùng lĩnh vực kinh doanh thì lợi tức cổ phiếu của DNMT sẽ giảm; *thứ tư*, tác động của nhân tố "đổi kháng" lên lợi tức cổ phiếu của DNMT là mờ

Khoảng thời gian xung quanh sự kiện	Mua lại nội địa		Mua lại qua biên giới		Cross-Border effect	
	CARD	t-test	CARCB	t-test	CARCB-CARD	t-test
(-40, -31)	0,66%	0,70	1,68%	1,54	1,02%	1,21
(-30, -21)	2,87%	3,28***	0,28%	0,21	-2,60%	-0,85
(-20, -11)	2,50%	2,16**	3,69%	2,20**	1,18%	2,11**
(-10, -1)	5,62%	5,42***	4,16%	3,61***	-1,45%	-1,51
(-5, 0)	6,43%	6,30***	3,24%	2,44**	-3,19%	-1,85*
(-1, 0)	4,32%	5,12***	1,94%	1,87*	-2,38%	-0,78
0	3,56%	4,68***	1,27%	1,34	-2,29%	-2,33**
(1, +1)	10,16%	7,50***	8,65%	5,33***	-1,51%	-2,01**
(0, +1)	9,40%	6,95***	7,98%	5,15***	-1,42%	-2,05**
(0, +5)	10,30%	6,52***	8,39%	4,92***	-1,91%	-1,81*
(0, +10)	11,43%	5,90***	8,20%	4,04***	-3,24%	-1,35
(0, +15)	12,78%	4,81***	8,30%	3,70***	-4,49%	-0,68
(0, +20)	13,56%	4,58***	10,06%	4,43***	-3,50%	-0,53
(0, +30)	13,70%	4,69***	9,38%	4,01***	-4,31%	-0,80
(0, +40)	13,85%	4,37***	7,55%	3,13***	-6,31%	-0,85

Ý nghĩa thống kê: p-values * < 0,10, ** < 0,05, và *** < 0,01 (sử dụng kiểm định 2 phía)

nhạt và không đáng kể; *thứ năm*, nếu một thương vụ chỉ có một DNMT tham gia thì lợi tức cổ phiếu của DNMT sẽ tăng.

Những kết quả nghiên cứu ở trên chỉ ra rằng, cả hai loại hình mua lại DN đều góp phần gia tăng lợi tức cổ phiếu DNMT, trong đó MLND có sự tác động vượt trội so với loại hình mua lại qua biên giới. Bên cạnh đó, kết quả phân tích hồi quy cũng chỉ ra rằng trong tổng số 7 nhân tố thương vụ được phân tích, duy chỉ có 2 nhân tố là mua lại "bước đệm" và quy mô của DNMT là có sự ảnh hưởng đáng kể lên lợi tức cổ phiếu DNMT. Từ những kết quả này, chúng tôi đi đến kết luận rằng, ở 5 nền kinh tế thuộc топ đầu của khu vực Đông Nam Á, hai nhân tố của thương vụ, mua lại "bước đệm" và quy mô của DNMT, giữ vai trò then chốt trong việc quyết định sự biến thiên lợi tức cổ phiếu DNMT.

BẢNG 6: PHÂN TÍCH HỒI QUY CHÉO HỆ SỐ CAR CỦA DN MƯỢT TIÊU

Biến độc lập	Kết quả hồi quy	
	Hệ số hồi quy	t-ratio (p-value)
Hệ số chặn	0,240	3,720
Nationality	-0,003	-0,150
Method	0,016	0,520
Relatedness	-0,019	-0,920
Toehold	-0,049	-1,970**
Hostility	0,001	0,010
Multiple	-0,033	-0,230
Size	-0,008	-2,530**
Adjusted R²	19%	
F-value	1,160	0,328
Số quan sát	220	

Ý nghĩa thống kê: p-values * < 0,10, ** < 0,05, và *** < 0,01 (sử dụng kiểm định 2 phía)

Tài liệu tham khảo:

1. CHERNYKH, L., LIEBENBERG, I. & MACIAS, A. 2010. Changing Direction: Cross Border Acquisitions by Emerging Market Firms. SSRN Working Paper Series;
2. SONG, S. I., R. R., A., CHU, E. Y. & CHEOK, C. K. 2010. Determinants of cross-border mergers and Acquisitions (CBMAs) performance in five East Asian countries. Science and Social Research (CSSR) - 2010 International Conference;
3. ZHU, P., JIOG, V. & OTCHERE, I. 2011. Partial acquisitions in emerging markets: A test of the strategic market entry and corporate control hypotheses. Journal of Corporate Finance, 17, 288-305.



Nghị định, quyết định của Chính phủ

□ Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

□ Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

□ Quyết định số 01/2013/QĐ-TTg ngày 07/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế lập, sử dụng và quản lý Quỹ tích lũy trả nợ.

□ Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

□ Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo.

Thông tư của Bộ Tài chính

□ Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

□ Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26/12/2012 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên.

□ Thông tư liên tịch số 225/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 26/12/2012 hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 - 2015.

□ Thông tư số 226/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

□ Thông tư số 227/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 hướng dẫn thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán.

□ Thông tư số 228/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đầu tư bất động sản.

□ Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục.

□ Thông tư số 230/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán quỹ bảo trì đường bộ.

□ Thông tư số 231/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư

đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2012-2015.

□ Thông tư số 14/2013/TT-BTC ngày 05/02/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 66/2012/NĐ-CP ngày 06/09/2012 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

□ Thông tư số 15/2013/TT-BTC ngày 05/02/2013 hướng dẫn hệ thống chi tiêu và mẫu biểu báo cáo thống kê sử dụng tại các Sở Tài chính.

□ Thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 08/02/2013 hướng dẫn thực hiện việc gia hạn, giảm một số khoản thu Ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu.

□ Thông tư số 17/2013/TT-BTC ngày 19/02/2013 sửa đổi khoản 1 điều 6 thông tư số 10/2011/TT - BTC ngày 26/01/2011 quy định về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước.

□ Thông tư số 18/2013/TT-BTC ngày 20/02/2013 hướng dẫn trình tự, thủ tục thanh lý rừng trồng và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý rừng trồng không thành rừng, rừng trồng không có khả năng thành rừng.

□ Thông tư số 19/2013/TT-BTC ngày 20/02/2013 về việc hướng dẫn thực hiện một số quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Tài chính.

□ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BTC-BYT ngày 20/02/2013 quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2012 - 2015.

□ Thông tư số 23/2013/TT-BTC ngày 27/02/2013 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

THÔNG BÁO

Đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu cung cấp nội dung các văn bản trên, đề nghị liên hệ với Tòa soạn Tạp chí Tài chính.

Liên hệ: Biên tập viên Văn Trường
Điện thoại: (04). 39330036 - 093.446.2898
E-mail: lucvantruong1910@gmail.com

Tòa soạn cung cấp miễn phí.